

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG – TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Long Văn Hoàng

2. Bà Trương Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021, về việc “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2021; Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 04/2021/QĐ-TA ngày 30/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sên Thị L.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Vui Diu Ch

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 6 năm 2021 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Sên Thị L trình bày: Chị và anh Vui Diu Ch về chung sống với nhau năm 2002, có làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc chung sống của anh chị dựa trên sự tự nguyện, tìm hiểu, không bị ép buộc, lừa dối. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc, thương yêu nhau, cùng bảo ban nhau làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị đi xuất khẩu lao động nên dần mất tình cảm vợ chồng. Từ tháng 4/2021 đến nay chị đã về ở nhờ nhà mẹ đẻ, không quan tâm đến anh Ch nữa. Mâu thuẫn của gia đình anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không giải quyết được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vui Diu Ch.

Về con: Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là các cháu Vui Thị L1, sinh ngày 18/11/2003 và cháu Vui Ngọc H, sinh ngày 29/01/2006. Hiện nay cháu L1 đã lớn tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Vui Ngọc H hiện đang ở cùng anh Ch. Nguyên chị L là giao cho anh Ch trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và khoản nợ: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Vui Diu Ch trình bày: Anh và chị L chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, nhưng có cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị L có quan hệ ngoại tình với người khác. Đến tháng 5/2021 chị L về ở nhà mẹ đẻ ở, tôi đã đi gọi nhiều lần nhưng chị L không về. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị về đoàn tụ để nuôi dạy con. Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị L trình bày là đúng. Do anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con, nếu chị L cương quyết ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Vui Ngọc H, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu H số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải về nuôi con, chị L và anh Ch thỏa thuận giao cháu H cho anh Ch nuôi dưỡng, chị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Anh Vui Diu Ch không đồng ý ly hôn, Nếu chị L cương quyết ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu chị L cấp

đường nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng. Anh Ch không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự đã chấp hành pháp luật đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; Khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 điều 82, khoản 1,2 điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 206, khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sèn Thị L và Vui Diu Ch; Về con: Giao cho anh Ch trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Vui Ngọc H, sinh ngày 29/01/2006 cho đến khi trưởng thành, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con; Tuyên nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

-Chị Sèn Thị L và anh Vui Diu Ch chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn nên thuộc trường hợp “nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình. Trong đơn khởi kiện chị L có yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung, do đó Tòa án thụ lý giải quyết vụ án “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ nên phiên tòa có sự tham gia của Viện Kiểm sát theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Sèn Thị L và anh Vui Diu Ch chung sống với nhau từ năm 2002 không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị

không được pháp luật bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, do đó không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Sên Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

-Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị Sên Thị L và anh Vui Diu Ch đều xác nhận anh chị có hai con chung là cháu Vui Thị L1, sinh ngày 18/11/2003 và cháu Vui Ngọc H, sinh ngày 29/01/2006. Do cháu Vui Thị L1 đã sống riêng, có cuộc sống ổn định tự nuôi sống bản thân nên anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, anh Ch và chị L đều có ý kiến giao cháu H cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu L1 và cháu H. Cháu Vui Thị L1 đã tự lập, có cuộc sống riêng, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu Vui Ngọc H có nguyện vọng được ở với bố như vậy là phù hợp với ý kiến của chị L và anh Ch tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu Vui Ngọc H cho anh Vui Diu Ch tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Tại phiên tòa, chị Sên Thị L xác định chị và anh Ch có tài sản chung là nhà đất tại thôn N, xã B, nhưng chị không yêu cầu giải quyết về tài sản mà để lại toàn bộ tài sản cho anh Ch ở để nuôi dưỡng cháu H. Bình thường chị đi làm thuê có thu nhập, nhưng hiện nay do dịch bệnh nên chị không đi làm thuê nữa, sau khi chị và anh Ch sống ly thân, chị đã về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn. Do chị không ở nhà, đất nên chị nhường quyền nuôi con cho anh Ch. Tại phiên tòa Lan cũng xác định chị không có chỗ ở, không có thu nhập nên không cấp dưỡng nuôi con, khi nào chị đi làm có thu nhập chị sẽ cấp dưỡng nuôi con sau.

Ý kiến của anh Vui Diu Ch cho rằng anh chị không có mâu thuẫn nhưng anh Ch cũng thừa nhận anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Tại phiên tòa anh Ch khẳng định chị L đi làm, có thu nhập nên anh yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con cho cháu H là 1.500.000 đồng/tháng. Tuy nhiên anh cũng thừa nhận anh đang ở nhà riêng của anh chị được làm từ năm 2018; anh ở nhà không có nghề nghiệp gì, nhưng thỉnh thoảng đi làm thuê, mỗi lần đi làm được trả công 200.000 đồng/ngày, ngoài ra anh còn có đất trồng chuối đang

cho thuê được 1.490.000 đồng/năm, còn chị L đi làm ở đâu, làm nghề gì, thu nhập như thế nào thì anh không được biết.

Quá trình hòa giải tại Tòa án, chị L và anh Ch thỏa thuận về nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh Ch lại có yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành, anh Ch không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Ch là phù hợp.

[3] Về tài sản và khoản nợ: Chị Sên Thị L và anh Vui Diu Ch đều xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Sên Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1/ Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sên Thị L và anh Vui Diu Ch.

2/Về con chung: Giao cháu Vui Ngọc H, sinh ngày 29/01/2006 cho anh Vui Diu Ch trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi, chị Sên Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây khó khăn ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi dưỡng.

3/Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Sên Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AC-21P số 0006400 ngày 01/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

4/Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Huyện MK, VKSND tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS huyện Mường Khương;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Bình;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lý Thị Minh Yên